BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN K57, K58, K59, K60 ĐH KHOA CƠ SỞ HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI
Học kỳ 1, năm học 2019 - 2020
(Kèm theo Quyết định số: 1433/QĐ-ĐHTB-CTCT ngày 23 tháng 12 năm 2019)

STT	Mã SV	Họ tên đệm	Tên	Phái	Ngày sinh	Đối tượng	Số tiền/tháng	Số tháng	Tổng tiền	Số tài khoản
Lớp: K57 ĐH Giáo dục chính trị A										
1	2016A0453	Sùng Thị	Cống	Nữ	151098	Dân tộc - Vùng ĐBKK	140,000	4	560,000	102003603021
2	2016A0456	Hoàng Thị Linh	Chi	Nữ	011198	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	101003603022
3	2016A0466	Quàng Văn	Diên	Nam	161197	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	100003579558
4	2016A0470	Cứ Thị	Dua	Nữ	110198	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	106003603027
5	2016A0473	Lường Văn	Duy	Nam	210397	Dân tộc - Vùng ĐBKK	140,000	4	560,000	105003603028
6	2016A0474	Sùng Thị	Gương	Nữ	071198	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	104003603029
7	2016A0475	Vừ A	Gấu	Nam	010497	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	105003603030
8	2016A0477	Giàng A	Giờ	Nam	060193	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	106003251230
9	2016A0478	Cà Thị	Hằng	Nữ	050598	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	104003603031
10	2016A0482	Hoàng Thị	Hiền	Nữ	310798	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	103003603032
11	2016A0483	Hoàng Thị	Hiền	Nữ	070296	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	109866726873
12	2016A0489	Hoàng Văn	Kiệm	Nam	020996	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	104866737951
13	2016A0491	Cà Thị	La	Nữ	081096	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	104866727073
14	2016A0500	Cam Thị	Mặc	Nữ	100598	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	100003603035
15	2016A0514	Lò Thị	Phương	Nữ	080798	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	107003603038
16	2016A0522	Mùa A	Say	Nam	111197	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	106003603039
17	2016A0525	Lường Văn	Tư	Nam	151098	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	108003603040
18	2016A0531	Lò Thị	Thúy	Nữ	010998	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	103003603045
19	2016A0539	Mào Hải	Yến	Nữ	020398	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	101003603047
20	2016A0502	Và A	Minh	Nam	040698	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	109003603036
Cộng lớp:							**2,800,000**		**11,200,000**	
Lớp: K57 ĐH Giáo dục chính trị B										
1	2016A0540	Mào Văn	Ánh	Nam	150195	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	100003603048
2	2016A0543	Sùng A	Công	Nam	160795	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	107003686311
3	2016A0544	Hờ Thị	Cở	Nữ	070397	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	100003603050

4	2016A0546	Lèo Thị	Châm	Nữ	121098	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	109003603051
5	2016A0549	Và A	Dia	Nam	291096	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	107002640793
6	2016A0555	Thùng Thị	Hường	Nữ	301098	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	106003603054
7	2016A0557	Tòng Văn	Hùng	Nam	120798	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	104003603056
8	2016A0558	Lù A	Hụ	Nam	170595	Dân tộc - Vùng ĐBKK	140,000	4	560,000	103003603057
9	2016A0559	Lò Văn	Hoan	Nam	010597	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	102003603058
10	2016A0569	Sộng Của	Nênh	Nam	151097	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	102003603060
11	2016A0576	Tòng Thị	Phương	Nữ	040598	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	109003603063
12	2016A0580	Ly A	Phía	Nam	050297	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	108003603064
13	2016A0584	Cà Văn	Quyết	Nam	010498	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	107003603065
14	2016A0591	Lò Thị	Tâm	Nữ	010398	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	103003603069
15	2016A0600	Quàng Văn	Thành	Nam	020296	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	100003603075
16	2016A0605	Lường Văn	Thanh	Nam	100197	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	109003603076
17	2016A0607	Vì Lệ	Thủy	Nữ	180798	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	107003603078
18	2016A0611	Hà Như	Thuần	Nam	100598	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	109003686319
19	2016A0616	Hà Thị Huyền	Trang	Nữ	160698	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	106003603081
20	2016A0619	Quách Công	Tuấn	Nam	080796	Dân tộc - Vùng ĐBKK	140,000	4	560,000	108003736914
Cộng lớp:							**2,800,000**		**11,200,000**	
Lớp: K57 ĐH Giáo dục thể chất										
1	2016A0643	Lò Văn	Thảo	Nam	180898	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	109003603088
Cộng lớp:							**140,000**		**560,000**	
Lớp: K57 ĐHSP Tiếng Anh										
1	2016A0905	Lò Thị	Khuyên	Nữ	080694	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	103003603154
2	2016A0910	Lò Văn	Long	Nam	220198	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	100003603157
3	2016A0916	Bùi Thị	Nguyệt	Nữ	120297	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	108003603159
4	2016A0917	Đinh Thị	Oanh	Nữ	191097	Dân tộc - Vùng ĐBKK	140,000	4	560,000	100003416369
5	2016A0926	Lò Thị	Thuận	Nữ	221096	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	106003603163
Cộng lớp:							**700,000**		**2,800,000**	
Lớp: K58 ĐH Giáo dục chính trị A										
1	2017A0086	Tòng Thị	La	Nữ	300598	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	104866727310
2	2017A0665	Sồng Thị	Chi	Nữ	061299	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	106867829893
3	2017A0669	Sộng A	Của	Nam	150599	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	107867575777

4	2017A0676	Hoàng Thị	Dung	Nữ	310899	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	106867575778
5	2017A0679	Lò Thị	Hà	Nữ	110799	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	109866939481
6	2017A0681	Vừ A	Hải	Nam	120999	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	109867829890
7	2017A0684	Hoàng Văn	Hiến	Nam	130799	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	107867829892
8	2017A0688	Lò Văn	Khiêm	Nam	040199	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	104867575782
9	2017A0692	Quàng Thị	Lan	Nữ	201299	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	103867575783
10	2017A0693	Sồng A	Lệ	Nam	060899	Dân tộc - Vùng ĐBKK	140,000	4	560,000	102867575784
11	2017A0699	Lường Văn	Mậu	Nam	300895	Dân tộc - Vùng ĐBKK	140,000	4	560,000	101867575785
12	2017A0702	Lò Thị	Nga	Nữ	060599	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	100867575786
13	2017A0707	Bạc Thị	Phượng	Nữ	290799	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	109867575787
14	2017A0711	Sùng A	Sinh	Nam	080399	Dân tộc - Vùng ĐBKK	140,000	4	560,000	108868387105
15	2017A0715	Lò Văn	Thịnh	Nam	191099	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	108867829891
16	2017A0719	Tòng Văn	Thủy	Nam	010199	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	108867575790
17	2017A0765	Hà Thị	Linh	Nữ	270399	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	103867575814
18	2017A1225	Vàng A	Thương	Nam	111099	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	102866729361
19	2017A1272	Sùng A	Dua	Nam	130898	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	108867829889
Cộng lớp:							**2,660,000**		**10,640,000**	
Lớp: K58 ĐH Giáo dục chính trị B										
1	2017A0733	Vừ A	Cải	Nam	100191	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	102869339340
2	2017A0737	Lèo Văn	Chung	Nam	181298	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	104867575800
3	2017A0738	Bàn Văn	Cường	Nam	241098	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	101868893369
4	2017A0739	Và A	Dếnh	Nam	190999	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	103867575801
5	2017A0744	Mùa Quang	Dũng	Nam	151295	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	101867575803
6	2017A0747	Lò Văn	Hà	Nam	060899	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	100867575804
7	2017A0753	Mùa A	Hạu	Nam	180699	Dân tộc - Vùng ĐBKK	140,000	4	560,000	108867575806
8	2017A0757	Mùi Văn	Hùng	Nam	260699	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	106867575808
9	2017A0760	Tếnh Lao	Lân	Nam	070898	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	107867575810
10	2017A0766	Giàng A	Ly	Nam	060998	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	102867575815
11	2017A0770	Lường Thị	Nghị	Nữ	201199	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	109867575818
12	2017A0776	Thào A	Phà	Nam	160799	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	109867575820
13	2017A0781	Quàng Văn	Sơn	Nam	100896	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	107867575822
14	2017A0796	Và A	Vừ	Nam	130599	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	100867575829

Cộng lớp:							**1,960,000**		**7,840,000**	
Lớp: K58 ĐH Giáo dục thể chất										
1	2017A0802	Quàng Văn	Nam	Nam	261199	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	109867575927
2	2017A1174	Lò Văn	Học	Nam	090598	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	106867575738
3	2017A1210	Sồng A	Gà	Nam	170599	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	108867829877
Cộng lớp:							**420,000**		**1,680,000**	
Lớp: K58 ĐHSP Tiếng Anh										
1	2017A0938	Quàng Văn	Chính	Nam	300698	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	103003083016
2	2017A0939	Lò Quang	Đại	Nam	070998	Dân tộc - Vùng ĐBKK	140,000	4	560,000	109867576077
3	2017A0944	Lường Văn	Huỳnh	Nam	050998	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	108867576078
4	2017A0945	Hoàng Kiều	Liên	Nữ	050899	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	107867576079
5	2017A1257	Lò Thị Thu	Hiền	Nữ	111299	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	103867639365
Cộng lớp:							**700,000**		**2,800,000**	
Lớp: K59 ĐH Giáo dục chính trị										
1	2018A0361	Mùa A	Giàng	Nam	180599	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	107869020544
2	2018A0364	Đinh Thị	Huyền	Nữ	080600	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	101869727416
3	2018A0374	Lò Văn	Oanh	Nam	081199	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	104869020547
4	2018A0917	Hà Văn	Long	Nam	201100	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	101869020552
5	2018A0918	Tao Thị	Huyền	Nữ	171200	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	100869020553
Cộng lớp:							**700,000**		**2,800,000**	
Lớp: K59 ĐH Giáo dục thể chất										
1	2018A0392	Cà Văn	Hòa	Nam	170600	Mồ côi cha, mẹ	100,000	4	400,000	100868368161
Cộng lớp:							**100,000**		**400,000**	
Lớp: K59 ĐHSP Tiếng Anh										
1	2018A0439	Tòng Thị	Thư	Nữ	200800	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	107868537052
Cộng lớp:							**140,000**		**560,000**	
Lớp: K60 ĐH Giáo dục chính trị										
1	2019A0814	Kháng A	Chu	Nam	181000	Dân tộc - Vùng ĐBKK	140,000	4	560,000	108870873056
2	2019A0815	Lò Thị Bích	Thủy	Nữ	171201	Dân tộc - Vùng ĐBKK	140,000	4	560,000	107870873057
Cộng lớp:							**280,000**		**1,120,000**	
Lớp: K60 ĐHSP Tiếng Anh										
1	2019A0379	Lò Hồng	Hạnh	Nữ	111201	Dân tộc - Vùng cao	140,000	4	560,000	107870857398

Cộng lớp:	**140,000**		**560,000**	
Cộng Khoa:	**13,540,000**		**54,160,000**	

Bằng chữ: Năm mươi bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng./.

Sơn La, ngày 23 tháng 12 năm 2019

Trưởng Khoa

Phòng CTCT - QLNH

Người lập biểu

Phạm Việt Hùng

Phòng Kế toán - Tài chính

Ban Giám hiệu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Thanh Tâm